

Bản án số: **11/2025/HS-ST**
Ngày 30-7-2025

**N1 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N1 DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG**

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm N1 dân: Ông **Hà Ứng Cường** và Bà **Nguyễn Hải Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** – Thư ký Tòa án N1 dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát N1 dân Khu vực 3 tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án N1 dân Khu vực 3, tỉnh An Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025 về tội “Cố ý gây thương tích” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn H N, sinh ngày 28/12/2005 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: 673/73 M, phường V, T1 phố R, tỉnh K; Nay là 673/73 M, phường R, tỉnh A; Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã B, huyện C, tỉnh K; Nay là ấp M, xã Bn, tỉnh A; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 và bà Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1974; Vợ con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được cho tại ngoại để điều tra. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Trần Hữu Phúc**, sinh năm 1954 – Luật sư thực hiện Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang (có mặt).

Bị hại: Anh **Lê Duy K**, sinh năm 2005 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NCT: ấp Vĩnh Hoà 2, xã Vĩnh Hoà Phú, huyện Châu T1, Kiên Giang

Nay là: ấp Vĩnh Hoà 2, xã Bình An, tỉnh An Giang.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Luật sư **Lại Hùng Anh**, sinh năm 1979 - Văn phòng Luật sư Hùng Anh thuộc đoàn Luật sư tỉnh An Giang (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn K1**, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà **Nguyễn Thị Diễm T**, sinh năm 1974 (có mặt)

Cùng trú tại: Số 673/73 Mạc Cửu, phường Vĩnh Quang, T1 phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Nay là: Số 673/73 Mạc Cửu, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Người tham gia tố tụng khác:

1. Anh **Lý Hoài B**, là người làm chứng (vắng mặt)

2. Chị **Võ Thị Ngọc Tr**, là người làm chứng (vắng mặt)

3. Anh **Nguyễn Hồng N**, là người làm chứng (vắng mặt)

4. Anh **Nguyễn Hữu N1**, là người làm chứng (vắng mặt)

5. Anh **Lê Nhật H**, là người làm chứng (vắng mặt)

6. Anh **Nguyễn Ngọc T1**, là người làm chứng (vắng mặt)

7. Anh **Nguyễn Văn N2**, là người làm chứng (vắng mặt)

8. Anh **Lữ Hoàng K2**, là người làm chứng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Duy K là chủ quán cà phê “Anh Kiệt” thuộc ấp An Phước, xã Bình An, huyện Châu thành, tỉnh Kiên Giang (Nay là xã Bình An, tỉnh An Giang). Vào khoảng 16 giờ 40 phút, ngày 17/9/2022 K ở quán cùng với bạn gái là Võ Thị Ngọc Tr và N1 viên của quán là Lý H B thì có Trịnh Tú Mỹ đi cùng với người thanh niên tên S (không rõ N1 thân) đến quán gặp B. Sau đó, giữa B và S phát sinh cự cãi, Mỹ cùng S bỏ về. Trên đường về, S gọi điện thoại cho Nguyễn H N, sinh ngày 28/12/2005, S nói bị đánh tại quán cà phê Anh K1 kêu N ra hỗ trợ. Lúc này, N điều khiển xe mô tô về nhà dì của N để lấy cây dao tự chế N cất giấu ở bụi cây sau nhà, chạy đến quán Anh Kiệt.

Sau khi gọi điện thoại cho H N, S gặp Nguyễn Hồng N tại quán bida 68 thuộc ấp An Bình, xã Bình An. S nhờ Hồng N chở đi có việc nhưng không nói đi đâu, làm gì. Lúc này, Hồng N không thấy S có mang theo hung khí. Sau khi đi được một đoạn, S chỉ tay cho Hồng N điều khiển xe mô tô đi về hướng quán cà phê “Anh K1”. Khi đến trước cửa quán, Hồng N thấy bên trong quán K cầm trên tay 01 thanh kim loại và 01 người thanh niên tên B đang cầm trên tay cây chĩa 03 mũi bằng kim loại nên Hồng N vào quán hỏi có chuyện gì vì K có quen biết với Hồng N đồng thời muốn can ngăn nên Hồng N lấy thanh kim loại của K ném xuống nền gạch. Lúc này, Nguyễn Hữu N1 cùng đi vào bên trong quán can ngăn B. Lữ Hoàng K cũng đi vào bên trong quán can ngăn vì K là bạn học của K. S bước vào bên

trong quán, trên tay S cầm 01 thanh kim loại giống như súng chĩa về phía K bắn nhưng không trúng K. Lúc này, đi phía sau S có Lê Nhật H, Nguyễn Ngọc T1, Nguyễn Văn N2, Nguyễn H N và một người thanh niên đội nón kết, đeo khẩu trang trên tay cầm hung khí đi vào quán.

Sau đó, K và S đang giật lộn trên nền gạch. Nguyễn H N giúp S nên cầm dao tự chế xông vào chém vào người của K khoảng 03 đến 04 cái. Người thanh niên đội nón kết, đeo khẩu trang cũng xông vào chém K. Sau đó, được Nguyễn Hồng N, Nguyễn Hữu N1, Lữ Hoàng K can ngăn nên nhóm người bỏ đi. Trên đường về, H N đã ném cây dao tự chế xuống sông khu vực chợ bột cá Tắc Cậu. Còn K thì được T1, Hồng N đưa đến Trạm y tế điều trị vết thương. Tại Cơ quan Công an, H N thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận giám định số: 605/TgT ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Trung tâm Pháp y Công an tỉnh Kiên Giang, kết luận thương tích của anh Lê Duy K:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm vùng đuôi cung mày trái (mặt), lưng phải, cột sống thắt lưng và cẳng chân phải đã được điều trị.

- Chấn thương phần mềm vùng khuỷu tay phải, hiện tại không thấy dấu vết bên ngoài do đã thương.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở:

- Vùng đuôi cung mày trái (mặt) là 03% (Ba phần trăm).

- Vùng lưng phải là 02% (Hai phần trăm).

- Vùng cột sống thắt lưng là 02% (Hai phần trăm).

- Vùng khuỷu phải là 0% (Không phần trăm).

- Vùng cẳng chân là 01% (Một phần trăm).

3. Tỷ lệ tổ thương cơ thể do các thương tích gây nên hiện tại là 08%.

4. Vật gây thương tích:

- Các thương tích vùng đuôi cung mày trái (mặt), lưng phải, cột sống thắt lưng và cẳng chân do vật sắc gây nên.

- Chấn thương phần mềm vùng khuỷu tay do vật tày gây nên. (Bút lục: 11-13).

Tại Bản kết luận số: 1408/KL-KTHS ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Phân viện Khoa học hình sự T1 phố Hồ Chí Minh, kết luận:

02 (hai) đoạn kim loại hình trụ dạng viên đạn, đít đạn cùng ký hiệu YAS GLD PAK 9mm gửi giám định là đạn cao su cỡ (9x22) mm, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ không phải vũ khí quân dụng.

Tại Bản kết luận giám định số: 130/KL-KTHS ngày 17/02/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) kết luận:

Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp tin video gửi đến giám định.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích (bổ sung) số 118/BS-PY ngày 23/02/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:
Sẹo phần mềm vùng đầu (đỉnh – chằm và thái dương phải).
2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại ở vùng đầu:
 - Vùng đỉnh – chằm là: 01 % (Một phần trăm).
 - Vùng thái dương phải là: 01 % (Một phần trăm).
3. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại (vùng đầu và theo kết luận giám định số 605/TgT ngày 20/10/2022 của Trung tâm Pháp y Kiên Giang là: **10%** (Mười phần trăm).
4. Vật gây thương tích ở vùng đầu là: vật tày.

Tại bản cáo trạng số: 17/CT-VKS-CT ngày 17/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn H N về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn H N phạm tội: “Cố ý gây thương tích” và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Nguyễn H N** từ 12 đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Nguyễn H N cùng ông Nguyễn Văn K1 và bà Nguyễn Thị Diễm T liên đới bồi thường cho bị hại anh Lê Duy K số tiền 30.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy 02 vũ đạn không còn giá trị sử dụng.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3.

- *Người bào chữa cho bị cáo Luật sư ông **Trần Hữu Phúc** có ý kiến tranh luận như sau:*

+ Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nên Luật sự hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát.

+ Về hình phạt: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại thời điểm phạm tội bị cáo vẫn chưa thành niên nên khả năng nhận thức phần nào còn hạn chế. Do đó, kính mong HĐXX áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 6 Điều 91 và **khoản 2** Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sửa đổi bản thân sớm hoà nhập cộng đồng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Do giữa bị cáo và bị hại đã tự nguyện thoả thuận được với nhau về mức bồi thường nên đề nghị HĐXX ghi nhận.

Bị cáo N không bổ sung gì thêm về quan điểm bào chữa của Luật sư.

- *Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Luật sư ông **Lại Hùng Anh** có ý kiến tranh luận như sau:*

+ Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn H N về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự thì Luật sư thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và xin nêu quan điểm của Luật sư để HĐXX xem xét: Trong vụ án này cho thấy tính chất phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý và hung hãn, đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của bị hại, gây bất an cho quần chúng nhân dân. Do đó, kính mong HĐXX chấp nhận mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa bị cáo với bị hại là bị cáo sẽ bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng.

Bị cáo được nói lời sau cùng, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi bị truy tố của bị cáo HĐXX nhận thấy: Vào ngày 17/9/2022 tại ấp An Phước, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Nay là ấp An Phước, xã Bình An, tỉnh An Giang Nguyễn H N đã có hành vi dùng dao chém vào người anh Lê Duy K, gây thương tích theo giám định là 10%.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, vật chứng vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn H N phạm tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự như Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Ngoài ra, trong quá trình xem xét hồ sơ, Tòa án Nhân dân Khu vực 3 nhận thấy còn có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm nên đã 02 lần trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 để điều tra bổ sung nhưng kết quả Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn H N. Còn đối với Nguyễn Hồng N, Lữ Hoàng K, Nguyễn Ngọc T1, Lê Nhật H, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Hữu N1 và đối tượng tên S có dấu hiệu đồng phạm trong tội: “Cố ý gây thương tích” và đã tách hồ sơ vụ án theo số: 1155/QĐ-ĐCSHS-KTMT ngày 27/12/2024 để tiếp tục điều tra, làm rõ. Căn cứ theo quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng **hình sự** thì Tòa án N1 dân Khu vực 3 chỉ có căn cứ xem xét hành vi phạm tội đối với Nguyễn H N trên cơ sở truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Khi thực hiện hành vi bị cáo nhận thức rõ dao là hung khí sắc bén nguy hiểm nếu sử dụng vào mục đích gây thương tích thì sẽ đe dọa đến tính mạng cũng như sức khỏe của người khác nên pháp luật nghiêm cấm. Mặc dù nhận thức rõ được tính nguy hiểm mà bị cáo sắp gây ra, thế nhưng chỉ vì bênh vực bạn bị cáo vẫn cố ý dùng dao gây thương tích cho bị hại, làm cho sức khỏe bị hại suy giảm 10%. Hành

vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cũng như tinh thần của bị hại nên hành vi này cần được xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho các trường hợp tương tự khác.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân bị cáo tốt không có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại thời điểm phạm tội bị cáo vẫn chưa thành niên nên việc am hiểu pháp luật phần nào còn hạn chế. Từ những phân tích nêu trên nhận thấy bị cáo đủ điều kiện để được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo khi lượng hình là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[7] Xét quan điểm của Trợ giúp viên về việc bào chữa cho bị cáo là có căn cứ nên HĐXX ghi nhận.

[8] Xét đề nghị của Luật sư Lại Hùng Anh – bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là có căn cứ pháp luật nên ghi nhận để xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự. Trong quá trình điều tra bị hại anh Lê Duy K yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền 174.000.000 đồng. Trong đó: Chi phí điều trị 4.000.000 đồng; chi phí ăn uống, đi lại 10.000.000 đồng; tổn thất tinh thần 30.000.000 đồng; tiền công lao động 30.000.000 đồng; bồi thường tiền hợp đồng thuê quán 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình đưa vụ án ra xét xử anh K có đơn xin xét xử vắng mặt và trong đơn anh thể hiện rõ anh chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị thương tích và tất cả các chi phí khác với số tiền 15.000.000 đồng + với tiền tổn thất tinh thần là 15.000.000 đồng. Tổng các khoản anh yêu cầu là 30.000.000 đồng, ngoài ra anh K không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tại phiên toà **bị cáo đồng ý bồi thường số tiền trên theo yêu cầu của anh K. Xét thấy sự tự nguyện trên là phù hợp và không trái quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận.** Tuy nhiên, trong vụ án này nhận thấy tại thời điểm phạm tội bị cáo vẫn chưa thành niên và không có tài sản riêng. Căn cứ theo quy định tại Điều **586** Bộ luật dân sự cần

buộc ông Nguyễn Văn K1 và bà Nguyễn Thị Diễm T là cha mẹ của bị cáo cùng liên đới bồi thường cho bị hại mới là phù hợp.

[10] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng: Đối với 01 đoạn thanh kim loại có chiều dài 70cm, kích thước 02 x 04cm mà bị cáo đã tự nguyện giao nộp đến nay không còn giá trị sử dụng nên cần xử tịch thu tiêu hủy.

[11] Về những vấn đề khác: Đối với Nguyễn Hồng N, Lữ Hoàng K, Nguyễn Ngọc T1, Lê Nhật Hoà, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Hữu N1 và **đối tượng tên S có dấu hiệu đồng phạm trong tội: “Cố ý gây thương tích”** nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

[12] Về án phí: Xử buộc bị cáo phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm, buộc ông Nguyễn Văn K1, bà Nguyễn Thị Diễm T cùng bị cáo phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn H N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn H N 01** (một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự, xử buộc bị cáo Nguyễn H N, ông Nguyễn Văn K1 và bà Nguyễn Thị Diễm T cùng liên đới bồi thường cho bị hại anh Lê Duy K số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo được khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số 0000873 ngày 15/6/2023 (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3, tỉnh An Giang).

3. Về biện pháp tư pháp áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử tịch thu tiêu hủy các vật chứng đã được thu giữ trong vụ án theo Quyết định chuyển giao vật chứng số: 20/QĐ-VKS-CT ngày 13/4/2023 của Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, nay là Viện kiểm sát Nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Nguyễn H N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Nguyễn H N, ông Nguyễn Văn K1 và bà Nguyễn Thị Diễm T cùng liên nộp $(28.500.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 1.425.000$ đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 3- An Giang
- Công An Điều tra;
- Phòng THADS Khu vực 3- An Giang;
- Phân trại tạm giam KV Châu Thành;
- Bị cáo; bị hại; NLQ; Luật sư;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Mai Tấn Đầu